



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: **001084** /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **09** năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RI - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - ÁP THẠCH LONG, XÃ KIM LONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 4/9/2026  
Thời gian xét nghiệm : 4/9/2026 - 10/9/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,71            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,22            |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,52                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

**Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thẻ tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC./.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**



**HCDC****SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: hcdc.vn

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triểnSố: **001085** /KQ-XNThành phố Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **09** năm 2026**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RI - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI BÁNH CANH CÁ LÓC - QL 56, XÃ KIM LONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 4/9/2026  
Thời gian xét nghiệm : 4/9/2026 - 10/9/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,75            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,21            |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép         | Kết quả                           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                         | < 0,8<br>(LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                         | Không phát hiện<br>(LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng<br>0,2 – 1,0 | 0,40                              |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC./.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: **001086** /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **09** năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RI - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI PHÒNG TIÊM CHỦNG VNVC - SỐ 106A, ĐƯỜNG 30/4, XÃ  
NGÃI GIAO, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 4/9/2026  
Thời gian xét nghiệm : 4/9/2026 - 10/9/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,91            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,18            |

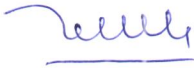
| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,34                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

**Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
Phó Trưởng khoa

  
**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: hcdc.vn

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000924 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - ÁP THẠCH LONG, XÃ KIM LONG  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 13/8/2026  
Thời gian xét nghiệm : 13/8/2026 - 14/8/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,32            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,23            |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | Không phát hiện (LOD = 0,16)   |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,68                           |

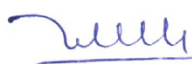
**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

**Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000925 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ DÂN HOÀI AN - ĐƯỜNG XÀ BANG, LÁNG LỚN, XÃ KIM LONG  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 13/8/2026  
Thời gian xét nghiệm : 13/8/2026 - 14/8/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,37            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,18            |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | Không phát hiện (LOD = 0,16)   |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,50                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**



**HCDC****SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)**Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển**Số: **000926** /KQ-XNThành phố Hồ Chí Minh, ngày **21** tháng **08** năm 2026**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI XƯỞNG MỘC MINH QUANG - ĐƯỜNG LÊ HỒNG PHONG,  
CẦU SUỐI LÚP, XÃ NGÃI GIAO

**Tên mẫu** : **NƯỚC MÁY**  
**Lượng mẫu** : 1,5 LÍT  
**Ngày nhận mẫu** : 13/8/2026  
**Thời gian xét nghiệm** : 13/8/2026 - 14/8/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,35            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,10            |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | Không phát hiện (LOD = 0,16)   |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,20                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
Phó Trưởng khoa

Trần Thị Hương Giang

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Viết Điện



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT



HCDC

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 030743 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RI - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : CƠ SỞ NHÔM KÍNH NHẬT PHONG - QL 56, XÃ BÀU CHINH, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 10/7/2026  
Thời gian xét nghiệm : 10/7/2026 - 16/7/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,66            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,23            |



| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | Không phát hiện (LOD = 0,16)   |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,40                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT



HCDC

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 030744 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RI - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - ÁP THẠCH LONG, XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 10/7/2026  
Thời gian xét nghiệm : 10/7/2026 - 16/7/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,68            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,28            |



| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép         | Kết quả                           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                         | < 0,8<br>(LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                         | Không phát hiện<br>(LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng<br>0,2 – 1,0 | 0,50                              |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC. / *hieu*

**KHOA XÉT NGHIỆM**

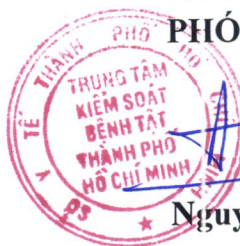
**Phó Trưởng khoa**

*Trần Thị Hương Giang*

**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 2: 699 Trần Hưng Đạo, phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 957 Ba Tháng Hai, phường Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở 6: 19 Phạm Ngọc Thạch, phường Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: **030745** /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **17** tháng **07** năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MEISHENG - ĐƯỜNG LÁNG LỚN - NGÃI GIAO, XÃ NGÃI GIAO, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 10/7/2026  
Thời gian xét nghiệm : 10/7/2026 - 16/7/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả         |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-----------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1             |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0               |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,55            |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,26            |



| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép         | Kết quả                           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                         | < 0,8<br>(LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                         | Không phát hiện<br>(LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng<br>0,2 – 1,0 | 0,30                              |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

**Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000617 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI MẠNG NGÃI GIAO: HỘ TRÍ NGUYỄN - ĐƯỜNG 30/4, XÃ NGÃI GIAO, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 08/6/2026  
Thời gian xét nghiệm : 08/6/2026 - 15/6/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,69                           |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,30                           |
| 7. | Asen (Arsenic) (As)     | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                      |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|------------------------------|
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | 0,88                         |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12) |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,32                         |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
Phó Trưởng khoa



**Trần Thị Hương Giang**

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 0909 408 895  
E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn  
Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000618 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - XÃ KIM LONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 08/6/2026  
Thời gian xét nghiệm : 08/6/2026 - 15/6/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,78                           |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1: 2020     | NTU         | 2                      | 0,44                           |
| 7. | Asen (Arsenic) (As)     | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8. | Pecmanganat             | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                          | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                      |
|-----|-------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|------------------------------|
| 9.  | Amoni ( $\text{NH}_3$ và $\text{NH}_4^+$ tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12) |
| 10. | Clo dư tự do                                          | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,6                          |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

**Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
Phó Trưởng khoa



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000619 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI MẠNG NGÃI GIAO: HỘ MẠNH SƯƠNG - QL 56, XÃ KIM LONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 08/6/2026  
Thời gian xét nghiệm : 08/6/2026 - 15/6/2026

| TT | Tên chỉ tiêu            | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|----|-------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1. | Coliform tổng số        | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2. | <i>Escherichia coli</i> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3. | Màu sắc                 | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4. | Mùi                     | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5. | pH                      | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,74                           |
| 6. | Độ đục                  | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,49                           |
| 7. | Asen (Arsenic) (As)     | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8. | Pecmanganat             | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | 1,04                           |

| TT  | Tên chỉ tiêu                                          | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                      |
|-----|-------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|------------------------------|
| 9.  | Amoni ( $\text{NH}_3$ và $\text{NH}_4^+$ tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12) |
| 10. | Clo dư tự do                                          | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,4                          |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

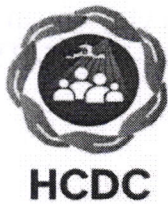
**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000510 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500mL/ CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 14/05/2026  
Thời gian xét nghiệm : 14/05/2026 - 21/05/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,75                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,28                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,62                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**K.T. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000511 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ KIM NHUNG - NGÃ 3 ĐƯỜNG XÀ BANG- LÁNG LỚN, XÃ CHÂU ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500mL/ CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 14/05/2026  
Thời gian xét nghiệm : 14/05/2026 - 21/05/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,73                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,26                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,28                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000512 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI XƯỞNG MỘC MINH QUANG - GẦN CẦU SUỐI LÚP, XÃ NGÃI  
GIAO, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500mL/ CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 14/05/2026  
Thời gian xét nghiệm : 14/05/2026 - 21/05/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                           | Phương pháp<br>xét nghiệm | Đơn vị<br>tính | Giới hạn<br>cho phép      | Kết quả                           |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------|---------------------------|-----------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                       | TCVN 6187-<br>1:2019      | CFU/100mL      | < 1                       | < 1                               |
| 2.  | Escherichia coli                                                       | TCVN 6187-<br>1:2019      | CFU/100mL      | < 1                       | < 1                               |
| 3.  | Màu sắc                                                                | QTKT.HL3.N4               | TCU            | 15                        | 0                                 |
| 4.  | Mùi                                                                    | TCVN 9719:2013            | -              | Không có mùi<br>lạ        | Không có mùi lạ                   |
| 5.  | pH                                                                     | TCVN 6492 :<br>2011       | -              | Trong khoảng<br>6,0 – 8,5 | 7,71                              |
| 6.  | Độ đục                                                                 | TCVN 12402-<br>1:2020     | NTU            | 2                         | 0,24                              |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                    | QTKT.HL3.N21              | mg/L           | 0,01                      | Không phát hiện<br>(LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                            | TCVN 6186:1996            | mg/L           | 2                         | < 0,8<br>(LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính<br>theo N) | TCVN 5988:1995            | mg/L           | 1                         | Không phát hiện<br>(LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                           | QTKT.HL3.N10              | mg/L           | Trong khoảng<br>0,2 – 1,0 | 0,32                              |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC./

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

**HCDC**

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000343 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI TIỆM ĐIỆN HOÀNG SƠN - 433, ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, XÃ NGÃI GIAO, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH ( NƯỚC MÁY )  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500ML/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 14/04/2026  
Thời gian xét nghiệm : 14/04/2026 - 21/04/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,52                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,27                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ = 0,8)              |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,36                           |



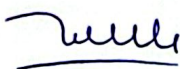
**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000344 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY CẤP NƯỚC NGÃI GIAO - XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH ( NƯỚC MÁY )  
Lượng mẫu : 1,5-LÍT (500ML/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 14/04/2026  
Thời gian xét nghiệm : 14/04/2026 - 21/04/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,58                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,19                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ = 0,8)              |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,56                           |



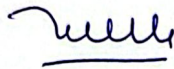
**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

**Ghi chú:**

- <1: Được xem như "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**



**HCDC****SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000345 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
 Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
 Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ NGUYỄN KHÁNH TOÀN - TTTM KIM LONG, XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
 Tên mẫu : NƯỚC SẠCH ( NƯỚC MÁY )  
 Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500ML/CHAI)  
 Ngày nhận mẫu : 14/04/2026  
 Thời gian xét nghiệm : 14/04/2026 - 21/04/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,63                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,17                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ = 0,8)              |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,40                           |



**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000222 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 02 LÍT (500 mL/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 03/03/2026  
Thời gian xét nghiệm : 03/03/2026 - 09/03/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,81                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,18                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | 0,87                           |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,53                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000223 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2026

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ NGUYỄN HỮU TRƯỜNG - TT THƯƠNG MẠI KIM LONG, XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 02 LÍT (500 mL/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 03/03/2026  
Thời gian xét nghiệm : 03/03/2026 - 09/03/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,68                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,27                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | 0,87                           |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,40                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: [khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn](mailto:khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn)

Website: [hcdc.vn](http://hcdc.vn)

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: **000224** /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **11** tháng **03** năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ ĐẶNG VĂN BÌNH - 312 ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, XÃ NGÃI GIAO, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 02 LÍT (500 mL/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 03/03/2026  
Thời gian xét nghiệm : 03/03/2026 - 09/03/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4            | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013         | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011       | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,65                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020      | NTU         | 2                      | 0,23                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21           | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996         | mg/L        | 2                      | 0,87                           |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 5988:1995         | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,12)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10           | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,32                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000154 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃ GIAO - XÃ KIM LONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500 mL/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 03/02/2026  
Thời gian xét nghiệm : 03/02/2026 - 12/02/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm   | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019         | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019         | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4              | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013           | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011         | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,53                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020        | NTU         | 2                      | 0,23                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21             | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996           | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | Ref .Method 10023 - Hach | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,04)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10             | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,56                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000153 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ HỒ ĐỨC LONG - TT THƯƠNG MẠI KIM LONG, XÃ KIM LONG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500 mL/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 03/02/2026  
Thời gian xét nghiệm : 03/02/2026 - 12/02/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm   | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019         | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019         | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4              | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013           | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011         | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,55                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020        | NTU         | 2                      | 0,21                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21             | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996           | mg/L        | 2                      | 0,89                           |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | Ref .Method 10023 - Hach | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,04)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10             | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,40                           |

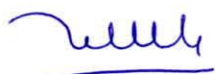
**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖**Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000155 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG - 264, ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, XÃ NGÃI GIAO, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1,5 LÍT (500 mL/CHAI)  
Ngày nhận mẫu : 03/02/2026  
Thời gian xét nghiệm : 03/02/2026 - 12/02/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm   | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019         | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019         | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4              | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013           | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011         | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,60                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020        | NTU         | 2                      | 0,21                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21             | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996           | mg/L        | 2                      | 1,37                           |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | Ref .Method 10023 - Hach | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,04)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10             | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,36                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000064 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI NHÀ MÁY NƯỚC NGÃI GIAO - XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1.5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 21/01/2026  
Thời gian xét nghiệm : 21/01/2026 - 28/01/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm  | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019        | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019        | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4             | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013          | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011        | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,57                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020       | NTU         | 2                      | 0,15                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21            | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996          | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | Ref.Method 10023 - Hach | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,04)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10            | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,56                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC./- *Amber*

**KHOA XÉT NGHIỆM**

**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoa\_xet\_nghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000065 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ HOÀNG PHƯƠNG - 210 HÙNG VƯƠNG, XÃ NGÃI GIAO, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1.5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 21/01/2026  
Thời gian xét nghiệm : 21/01/2026 - 28/01/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm  | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019        | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019        | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4             | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013          | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011        | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,58                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020       | NTU         | 2                      | 0,16                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21            | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996          | mg/L        | 2                      | < 0,8 (LOQ=0,8)                |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | Ref.Method 10023 - Hach | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,04)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10            | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,42                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**





SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Địa chỉ: 366A Âu Dương Lân, phường Chánh Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0909 408 895

E-mail: khoaaxetnghiem@hcdc.gov.vn

Website: hcdc.vn

Chất lượng là nền tảng  
của sự tồn tại và phát triển

Số: 000066 /KQ-XN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
Địa chỉ khách hàng : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG TAM THẮNG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Địa điểm lấy mẫu : TẠI HỘ LÊ BÌNH - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI KIM LONG, XÃ KIM LONG, TP. HỒ CHÍ MINH  
Tên mẫu : NƯỚC MÁY  
Lượng mẫu : 1.5 LÍT  
Ngày nhận mẫu : 21/01/2026  
Thời gian xét nghiệm : 21/01/2026 - 28/01/2026

| TT  | Tên chỉ tiêu                                                        | Phương pháp xét nghiệm  | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép      | Kết quả                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------|--------------------------------|
| 1.  | Coliform tổng số                                                    | TCVN 6187-1:2019        | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 2.  | Escherichia coli                                                    | TCVN 6187-1:2019        | CFU/100mL   | < 1                    | < 1                            |
| 3.  | Màu sắc                                                             | QTKT.HL3.N4             | TCU         | 15                     | 0                              |
| 4.  | Mùi                                                                 | TCVN 9719:2013          | -           | Không có mùi lạ        | Không có mùi lạ                |
| 5.  | pH                                                                  | TCVN 6492 : 2011        | -           | Trong khoảng 6,0 – 8,5 | 7,59                           |
| 6.  | Độ đục                                                              | TCVN 12402-1:2020       | NTU         | 2                      | 0,14                           |
| 7.  | Asen (Arsenic) (As)                                                 | QTKT.HL3.N21            | mg/L        | 0,01                   | Không phát hiện (LOD = 0,0002) |
| 8.  | Pecmanganat                                                         | TCVN 6186:1996          | mg/L        | 2                      | 1,04                           |
| 9.  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | Ref.Method 10023 - Hach | mg/L        | 1                      | Không phát hiện (LOD = 0,04)   |
| 10. | Clo dư tự do                                                        | QTKT.HL3.N10            | mg/L        | Trong khoảng 0,2 – 1,0 | 0,45                           |

**Nhận xét:** Các chỉ tiêu được xét nghiệm nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT của Bộ Y tế.

❖ **Ghi chú:**

- <1: Được xem như “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu xét nghiệm.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- (-) là không có đơn vị tính.
- Thông tin về khách hàng và mẫu xét nghiệm do người gửi mẫu cung cấp.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- Phiếu kết quả xét nghiệm không được sao chép lại từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HCDC.

**KHOA XÉT NGHIỆM**  
**Phó Trưởng khoa**



**Trần Thị Hương Giang**

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Viết Điện**